ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 128/2026/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 3 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2015/QH15;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 4841/TTr-SCT ngày 09 tháng 7 năm 2026 và ý kiến của các Thành viên UBND tỉnh được tổng hợp tại Báo cáo số 2360/BC-VP ngày 03 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng UBND tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026 và thay thế Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Long An đến năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU; TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT. Nam

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Hẳn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 128 /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định nội dung quản lý kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh gồm: nội dung, mức hỗ trợ được quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ và trình tự xây dựng, thẩm định, phê duyệt các đề án thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi tắt là Chương trình).

b) Các nội dung chi, mức hỗ trợ không được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý Chương trình, các đơn vị chủ trì thực hiện đề án thuộc Chương trình (sau đây gọi tắt là Đơn vị chủ trì) và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động thuộc Chương trình.

Điều 2. Cơ quan quản lý Chương trình, Đơn vị chủ trì

1. Sở Công Thương là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức quản lý và triển khai thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ hàng năm trên địa bàn tỉnh.

2. Đơn vị chủ trì là các cơ quan, tổ chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án và giao chủ trì thực hiện đề án thuộc Chương trình.

Đơn vị chủ trì phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 2 Thông tư số 29/2018/TT-BTC.

Điều 3. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình: Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí thực hiện Chương trình được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm cho Sở Công Thương.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ

1. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

a) Kinh phí thực hiện các hoạt động của Chương trình phải nhằm mục đích phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

b) Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

2. Điều kiện được hỗ trợ kinh phí

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí từ Chương trình phải đáp ứng đủ các điều kiện được quy định tại Điều 5 Thông tư số 29/2018/TT-BTC.

Chương II
NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 5. Kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ: Áp dụng nội dung chi và mức chi tối đa theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

2. Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

Mức hỗ trợ là 100%, nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp.

3. Tổ chức hội thảo xúc tiến thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

Mức hỗ trợ là 70% nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/chương trình.

Điều 6. Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

Nghiên cứu đánh giá nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

Mức hỗ trợ là 70%, nhưng tối đa không quá 7 triệu đồng/doanh nghiệp.

Điều 7. Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất, thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu

1. Giới thiệu, phổ biến một số quy trình công nghệ sản xuất và yêu cầu kỹ thuật về sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Mức hỗ trợ là 100%, nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/chương trình.

2. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong tỉnh.

Mức hỗ trợ là 70%, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/chương trình.

3. Hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ: Theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

Mức hỗ trợ là 70%, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/chương trình.

4. Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

Mức hỗ trợ là 50%, nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp.

5. Hỗ trợ hoàn thiện đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Mức hỗ trợ là 50%, nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp.

6. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận, chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại, mua bản quyền, sáng chế, phần mềm.

Mức hỗ trợ là 50%, nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/doanh nghiệp.

7. Hỗ trợ các dự án nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

Mức hỗ trợ là 50%, nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án.

8. Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu cho các tổ chức, cá nhân đã tự đầu tư nghiên cứu, phát triển và triển khai ứng dụng vào sản xuất có kết quả ứng dụng mang lại hiệu quả kinh tế

Mức hỗ trợ là 50%, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/nghiên cứu đã được ứng dụng mang lại hiệu quả.

Điều 8. Chi quản lý chương trình đề án công nghiệp hỗ trợ

1. Cơ quan quản lý kinh phí công nghiệp hỗ trợ được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu. Nội dung chi áp dụng theo khoản 1 Điều 11 Thông tư số 29/2018/TT-BTC.

2. Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ công nghiệp hỗ trợ được chi tối đa 3% trên dự toán đề án công nghiệp hỗ trợ, riêng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được chi không quá 4% dự toán. Nội dung chi áp dụng theo khoản 2 Điều 11 Thông tư số 29/2018/TT-BTC.

Chương III
XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

Điều 9. Xây dựng và nộp đề án

1. Đơn vị chủ trì xây dựng đề án bao gồm những nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 10 Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ. Mẫu đề án được quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Các đề án phải đáp ứng yêu cầu được quy định tại khoản 2 Điều 10 Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg.

3. Đơn vị chủ trì nộp 01 bộ hồ sơ gồm đề án kèm theo đơn đăng ký thực hiện đề án đến Sở Công Thương theo thời hạn và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ được nêu trong thông báo của Sở Công Thương. Mẫu đơn đề nghị được quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 10. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt đề án thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

1. Sở Công Thương tiếp nhận đề án đến hết thời gian theo thông báo, đánh giá nội dung đề án do các Đơn vị chủ trì đăng ký trong thời gian 03 ngày làm việc. Trường hợp đề án chưa đảm bảo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 9 Quy chế này thì Sở Công Thương phản hồi bằng văn bản để Đơn vị chủ trì hoàn thiện hồ sơ đề án. Thời gian hoàn thiện hồ sơ đề án không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề án, Sở Công Thương hoàn thành thẩm định, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt đề án thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và thông báo cho các Đơn vị chủ trì, công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Cổng thông tin điện tử của Sở Công Thương và Cổng thông tin điện tử về Công nghiệp hỗ trợ (nếu có).

Điều 11. Hợp đồng thực hiện, nghiệm thu đề án

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương giao đơn vị trực thuộc có chức năng ký hợp đồng thực hiện đề án với các Đơn vị chủ trì thực hiện đề án.

2. Đơn vị chủ trì được ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân để thực hiện các hạng mục, công việc thuộc nội dung đề án theo đúng mục tiêu, đối tượng, phạm vi, nội dung, tiến độ, kinh phí đề án quy định tại Hợp đồng.

3. Đơn vị chủ trì thực hiện thủ tục thanh toán, quyết toán đề án khi kết quả nghiệm thu được đánh giá "Đạt". Đối với đề án sau nghiệm thu có kết quả "Không đạt" thì Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan xác định số kinh phí để Đơn vị chủ trì hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Chế độ thông tin, báo báo

Các Đơn vị chủ trì thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện đề án gửi về Sở Công Thương trước ngày 20 tháng 11 để tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương trước ngày 01 tháng 12 hàng năm. Trong trường hợp cần thiết, Đơn vị chủ trì thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định thực hiện Chương trình. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tiếp nhận, đánh giá sơ bộ đề án, trình Hội đồng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các đề án trên cơ sở kết quả của Hội đồng thẩm định.

b) Theo dõi việc tổ chức thực hiện các đề án theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán trong hợp đồng đã ký; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

c) Hướng dẫn các đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện đề án xây dựng hồ sơ đề án theo quy định tại Quy chế này. Kịp thời báo cáo, đề xuất tình hình thực hiện các đề án theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Hàng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Sở Công Thương kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình.

b) Kêu gọi đầu tư từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để thu hút vốn và các nguồn lực phục vụ hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ.

3. Đơn vị chủ trì

Chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của các thông tin trong hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho cơ quan quản lý trong quá trình xây dựng đề án, tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí các đề án thuộc Chương trình, lập báo cáo theo đúng các điều khoản quy định tại hợp đồng và quy định Nhà nước hiện hành.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, và các đơn vị có liên quan kịp thời phản ảnh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục 01

(Ban hành kèm theo Quyết định số 128/2026/QĐ-UBND)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH ĐỀ ÁN
Thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ năm ……

I. KINH NGHIỆM, NĂNG LỰC, KHẢ NĂNG THỰC HIỆN CỦA ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

1. Tên, địa chỉ, thông tin liên hệ của đơn vị đăng ký chủ trì đề án

2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập

3. Ngành nghề hoạt động

4. Nhân lực: số lượng, danh sách, trình độ chuyên môn của người tham gia tham gia thực hiện đề án

5. Kinh nghiệm của đơn vị trong thực hiện các đề án mang tính chất tương tự.

6. Khả năng đối ứng nguồn kinh phí (đối với đề án có mức hỗ trợ < 100% kinh phí)

II. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG ĐỀ ÁN

1. Tên đề án

2. Sự cần thiết và tính phù hợp của đề án

Luận giải về sự cần thiết và tính phù hợp của đề án với đối tượng thụ hưởng, mục tiêu, định hướng phát triển công nghiệp hỗ trợ của tỉnh và chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

3. Chi tiết nội dung hoạt động của đề án

Liệt kê và mô tả chi tiết những nội dung cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu, phạm vi thực hiện

Nội dung 1:……

- Công việc 1:

- Công việc 2:

Nội dung 2:……

- Công việc 1:

- Công việc 2:

4. Tiến độ thực hiện

5. Dự toán kinh phí chi tiết (bao gồm mức hỗ trợ đề nghị từ nguồn kinh phí Chương trình, nguồn kinh phí đối ứng (nếu có)): *Dự toán theo từng nội dung thực hiện của đề án, xác định đơn vị tính, số lượng, đơn giá, thành tiền và viện dẫn đầy đủ căn cứ pháp lý, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành làm cơ sở tính toán kinh phí. Đối với các đề án có thời gian thực hiện kéo dài hơn 01 năm tài chính, đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí cho từng năm.*

6. Kết quả và sản phẩm của đề án

Thuyết minh kết quả dự kiến phải rõ ràng: định tính và định lượng, hướng trực tiếp đến đối tượng thụ hưởng, xác định các yêu cầu cụ thể về chất lượng sản phẩm của đề án

7. Đánh giá hiệu quả dự kiến

Phân tích hiệu quả trực tiếp và gián tiếp của đề án đến ngành công nghiệp hỗ trợ, cả trong ngắn hạn và dài hạn. Phân tích tính lan tỏa và tính bền vững của các kết quả thực hiện đề án.

....., ngày .... tháng ..... năm 20……

Thủ trưởng đơn vị

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Phụ lục 02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 128 /2026/QĐ-UBND)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
Chủ trì thực hiện đề án thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ năm ....*(3)*.....

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh

……..*(1)*……..đề xuất thực hiện đề án……..*(2)*…….. thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ năm....*(3)*……với tổng kinh phí thực hiện là……*(4)*……triệu đồng, trong đó: kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: .....*(4)*.....triệu đồng, kinh phí ngoài ngân sách nhà nước: .....*(4)*..... triệu đồng.

(đính kèm Thuyết minh chi tiết đề án)

……..*(1)*…….. cam kết:

- Đề án chưa được đăng ký và sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước từ các chương trình, dự án khác.

- Thực hiện nghiêm túc đề án khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo đúng mục tiêu, tiết kiệm, hiệu quả và thực hiện thanh, quyết toán theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là đúng sự thật.

Kính đề nghị Sở Công Thương tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá và phê duyệt đề án./.

.....(5)..., ngày .... tháng ..... năm 20……
Thủ trưởng đơn vị
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tên đơn vị đăng ký chủ trì
(2) Tên đề án
(3) Năm đề xuất thực hiện
(4) Số kinh phí thực hiện
(5) Địa danh nơi đơn vị đăng ký chủ trì thực hiện đề án đóng trụ sở